

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày: 18 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Danh

Ông Lâm Ngọc Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Cẩm Vân là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Luận - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2022/TLST- HS, ngày 10 tháng 01 năm 2022 (theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS ngày 11/02/2022), đối với bị cáo:

Tăng Thanh V, sinh ngày 26/12/1999, tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tăng Phương L và bà Trần Ngọc P; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 28/8/2021 cho đến nay. (bị cáo có mặt).

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:***

1. Ông Thạch Thái A, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Sơn Đà R, sinh năm 1999; nơi cư trú: Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Ông Trần H, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

5. Ông Phạm Tuấn K, sinh năm 1979; nơi cư trú: số 28, đường P, khóm B, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ, ngày 27/8/2021, Thạch Thái A dùng điện thoại di động nhắn tin qua mạng xã hội Zalo rủ Nguyễn Thanh T và Sơn Đà R cùng nhau hùn góp tiền mỗi người 2.000.000 đồng để ngày 28/8/2021 đi ra thành phố S thuê địa điểm là phòng của khách sạn G để mua ma túy mang về sử dụng chung; theo thỏa thuận thì A sẽ là người chi tạm ứng tiền ra trước, khi nào T và Đà R có tiền thì trả lại cho A sau, thì tất cả đều đồng ý. Sau đó, A tiếp tục nhắn tin cho bị can Tăng Thanh V hẹn sáng ngày 28/8/2021 cùng đi với A, T và Đà R ra thành phố S mua ma túy để sử dụng, thì V đồng ý (nhưng A không bảo V hùn tiền để mua ma túy). Sau khi được A rủ, do không có đủ số tiền 2.000.000 đồng để hùn với A, nên Đà R mới nhắn tin rủ V hùn với Đà R số tiền 1.000.000 đồng (mỗi người 1.000.000 đồng) để cùng với A và T mua ma túy sử dụng, thì V đồng ý.

Đến khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 28/8/2021, V điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 83P1-856.16 chở Đà R, còn A thì điều khiển xe mô tô chở T đi từ xã H, huyện C đến thuê phòng của khách sạn G, tọa lạc tại đường P, thuộc phường S, thành phố S để mua ma túy mang về sử dụng. Trên đường đi, V điện thoại cho một người thanh niên (không rõ họ, tên và địa chỉ) mua 04 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy (loại Ketamine), đồng thời hẹn giao nhận ma túy trước khách sạn G, thì người này đồng ý. Sau khi đến khách sạn G và thuê phòng xong, người thanh niên bán ma túy gọi điện thoại cho V ra trước khách sạn G lấy ma túy và đưa cho V 02 túi nylon, bên trong có chứa chất ma túy (trong đó, 01 túi chứa 04 viên thuốc lắc và 01 túi chứa Ketamine) với tổng số tiền là 3.500.000 đồng; sau khi nhận ma túy, thì V đã xóa số điện thoại của người thanh niên này. Tiếp đó, V lên phòng khách sạn lấy 04 viên thuốc lắc ra chia cho V, A, T và Đà R mỗi người 01 viên để sử dụng. Khoảng 15 phút sau, V tiếp tục lấy túi nilong chứa Ketamine đổ ra đĩa, phân chia để cho tất cả cùng sử dụng. Sau khi cả nhóm sử dụng xong, thì còn thừa lại một phần ma túy Ketamine ở đĩa.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, tất cả cùng nhau trả phòng khách sạn để ra về; lúc này A, T và Đà R rời khỏi phòng trước; A thanh toán tiền thuê phòng hết 2.500.000 đồng, rồi chở T về trước; còn V là người rời khỏi phòng sau cùng. Trong lúc dọn đồ để ra về, thì V thấy số ma túy còn thừa trên đĩa, nên V mới lấy số ma túy này cho vào 02 túi nylon và cất giấu vào ví da để ở túi quần phía trước bên trái, rồi đi ra lấy xe để chở Đà R về nhà (khi V lấy ma túy cất giấu trong người thì A, T và Đà R không hay biết). Trên đường về, đến chốt kiểm soát dịch bệnh Covid-19, thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do không có giấy đi đường, nên V điều khiển xe chạy ngược chiều, thì bị lực lượng Công an huyện Châu Thành yêu cầu dừng xe để kiểm tra, thì phát hiện V có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng là 02 gói ma túy nói trên.

Tại bản kết luận giám định số 140/GĐMT-PC09 ngày 30/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận:

“Gói 1: Mẫu tinh thể rắn màu trắng, được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,5762 gam, loại Katamine.

Gói 2: Mẫu chất bột màu trắng, được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,4960 gam, loại Katamine.

Tổng khối lượng mẫu tinh thể rắn màu trắng và chất bột màu trắng trong 02 (hai) gói gửi giám định là: 1,0722 gam.

Hoàn lại đối tượng sau giám định gồm: Gói 1: 0,5420 gam mẫu tinh thể; Gói 2: 0,4800 gam mẫu chất bột; và toàn bộ mẫu vật, vỏ bao gói được hoàn trả trong 02 phong bì màu vàng, niêm phong ghi số 140/GĐMT-PC09”.

Đến ngày 31/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với Tăng Thanh V, về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng của vụ án: trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định tạm giữ:

- Tạm giữ của bị cáo Tăng Thanh V: Hoàn lại đối tượng sau giám định gồm: Gói 1: 0,5420 gam mẫu tinh thể; Gói 2: 0,4800 gam mẫu chất bột và toàn bộ vỏ bao gói trong 02 phong bì màu vàng, niêm phong ghi số 140/GĐMT-PC09; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh, biển kiểm soát 83P1-856.16; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, có ốp lưng bằng nhựa màu đen, số Imei: 355697072477460, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0866835130 và 01 cái ví da (bóp da) màu đen, trên ví có hình con ong và dòng chữ GUCCI.

- Tạm giữ của Thạch Thái A: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone XS, màu trắng, số Imei: 357224098455095, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0983864731.

- Tạm giữ của Nguyễn Thanh T: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone XS, màu đen, số Imei: 357225093198507, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0344282206.

- Tạm giữ của Sơn Đà R: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, có gắn ốp lưng bằng nhựa, hoa văn màu xanh, số Imei: 354449064501365, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0365376878.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, biển kiểm soát 83P1-856.16 cho ông Trần H. Riêng đối với các vật chứng còn lại, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cáo trạng số 08/CT-VKS-CT, ngày 09/02/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh

Sóc Trăng đề xét xử Tăng Thanh V, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 1, Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm g khoản 1, Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Bộ luật Hình sự: đề nghị tuyên phạt bị cáo Tăng Thanh V, từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu và tiêu hủy: Gói 1: 0,5420 gam mẫu tinh thể; Gói 2: 0,4800 gam mẫu chất bột và toàn bộ vỏ bao gói trong 02 phong bì màu vàng, niêm phong ghi số 140/GĐMT-PC09; 01 ốp lưng bằng nhựa màu đen; và 01 cái ví da (bóp da) màu đen, trên ví có hình con ong và dòng chữ GUCCI.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, số Imei: 355697072477460, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0866835130 của bị cáo Tăng Thanh V.

Trả lại cho Thạch Thái A: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone XS, màu trắng, số Imei: 357224098455095, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 098386473; trả lại cho Nguyễn Thanh T: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone XS, màu đen, số Imei: 357225093198507, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0344282206; trả lại cho Sơn Đà R: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, có gắn ốp lưng bằng nhựa, hoa văn màu xanh, số Imei: 354449064501365, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0365376878.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của luật sư, bị cáo cùng lời khai của những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thạch Thái A, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ Điều 292 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng Hình sự, quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Tăng Thanh V đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được và đã xác định: Vào khoảng 21 giờ, ngày 28/9/2021, sau khi các đối tượng Thạch Thái A, Nguyễn Thanh T, Sơn Đà R và bị cáo Tăng Thanh V rủ nhau hùn tiền thuê phòng khách sạn G, tọa lạc đường P, thuộc phường S, thành phố S và mua ma túy để cùng nhau sử dụng, thì tất cả cùng điều khiển xe mô tô ra về. Trước khi ra về, V thấy số ma túy sử dụng còn thừa trên đĩa, nên V mới lấy số ma túy này cho vào 02 túi nylon và cất giấu vào ví da để ở túi quần phía trước bên trái, rồi đi ra lấy xe để chở Đà R về nhà (khi V lấy ma túy cất giấu trong người thì A, T và Đà R không hay biết). Trên đường về, khi đến chốt kiểm soát dịch bệnh Covid-19, thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (lúc này khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày), do không có giấy đi đường, nên V điều khiển xe chạy ngược chiều, thì bị lực lượng Công an huyện Châu Thành yêu cầu dừng xe để kiểm tra, thì phát hiện, bắt quả tang V có hành vi tàng trữ 02 túi nylon, bên trong chứa ma túy, theo kết luận giám định có tổng khối lượng là 1,0722 gam, loại Ketamine. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Tăng Thanh V về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan đối với bị cáo.

[3] Bị cáo Tăng Thanh V đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, ma túy là độc dược gây nghiện nên được Nhà nước độc quyền quản lý. Tất cả các hình thức tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy đều bị Nhà nước nghiêm cấm. Bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo vì mục đích sử dụng để thỏa mãn cơn nghiện cho bản thân mà cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là việc làm trái pháp luật, là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Cũng từ việc sử dụng ma túy, một số người đã tự hủy hoại nhân cách, tha hóa bản thân, sa chân vào con đường sai trái, là nguy cơ dẫn đến các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của bị cáo dù xuất phát từ mục đích nào cũng đều là trái pháp luật, gây ra những tổn hại về thể chất và tinh thần, làm suy kiệt nòi giống, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội, là mối quan tâm của toàn xã hội nên cần xử lý bị cáo bằng hình phạt nghiêm khắc để duy trì kỉ cương pháp luật, răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời để bị cáo học tập, cải tạo, được giáo dục trong một môi trường có tính kỷ luật để sớm nhận thức việc làm sai trái, trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị can Tăng Thanh V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Khmer), có trình độ học vấn thấp, nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Cho nên, cần xem xét, áp dụng tình tiết nêu

trên để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2, Điều 51 và Bộ luật hình sự.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Thạch Thái A, Sơn Đà R và Nguyễn Thanh T: trong quá trình điều tra đã xác định A, T, Đà R và bị cáo V cùng nhau hùn góp số tiền 6.000.000 đồng để thuê địa điểm tại phòng khách sạn G, tọa lạc đường P, phường S, thành phố S và mua ma túy để sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, thì tất cả đều ra về. Trước khi về, V thấy số ma túy sử dụng còn thừa trên đĩa, nên V mới lấy số ma túy này cho vào 02 túi nylon và cất giấu vào ví da để ở túi quần phía trước bên trái, rồi đi ra lấy xe để chở Đà R về nhà (khi Vinh lấy ma túy cất giấu trong người thì A, T và Đà R không hay biết). Trên đường về, khi đến chốt kiểm soát dịch bệnh Covid-19, thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (lúc này khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày), thì bị lực lượng Công an huyện Châu Thành yêu cầu dừng xe để kiểm tra, thì phát hiện, bắt quả tang V có hành vi tàng trữ 02 túi nylon, bên trong có chứa chất ma túy. Xét thấy, việc V cất giấu ma túy trong người để mang về sử dụng cho bản thân, thì A, T và Đà R không hay biết (do những người này đã rời khỏi phòng khách sạn trước đó). Ngoài ra, trước khi đi thành phố S thuê địa điểm và mua ma túy để cùng nhau sử dụng, thì tất cả thống nhất chỉ sử dụng ma túy tại phòng khách sạn G, không có thỏa thuận lấy ma túy dư thừa về nhà cùng nhau sử dụng. Vì vậy, hành vi của V thấy ma túy còn dư thừa, nên tự ý cất giấu mang về nhà để sử dụng cho bản thân, là vượt quá thỏa thuận ban đầu của A, T và Đà R. Cho nên, A, T và Đà R không phải chịu trách nhiệm hình sự, với vai trò đồng phạm với bị cáo Tăng Thanh V trong vụ án này, nên không đặt ra để xem xét.

Đối với người thanh niên bán ma túy cho bị cáo Tăng Thanh V: theo lời khai của V thì V chỉ biết người này từng giao bán ma túy tại khách sạn G, nên V đã xin số điện thoại để liên lạc mua ma túy, chứ V không biết họ tên, địa chỉ của người thanh niên này. Sau khi liên lạc để mua ma túy, thì V đã xóa số điện thoại và nhật ký cuộc gọi, nên V không nhớ và xác định được số thuê bao điện thoại của người thanh nói trên, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xác minh, xử lý đối với người thanh niên này theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần H: quá trình điều tra đã xác định chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 83P1-856.16 là của ông H đứng tên chủ sở hữu. Do có mối quan hệ là cậu cháu với nhau, nên vào ngày 28/9/2021, ông H có cho bị cáo Tăng Thanh V mượn xe nói trên để đi công việc cá nhân, còn việc V sử dụng xe mô tô để làm phương tiện tàng trữ trái phép chất ma túy, thì ông H không hay biết, nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Gói 1: 0,5420 gam mẫu tinh thể; Gói 2: 0,4800 gam mẫu chất bột và toàn bộ vỏ bao gói trong 02 phong bì màu vàng, niêm phong ghi số 140/GĐMT-PC09; 01 ốp lưng bằng nhựa màu đen, và 01 cái ví da (bóp da) màu đen, trên ví có hình con ong và dòng chữ GUCCI. Xét thấy, đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, số Imei: 355697072477460, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0866835130 của bị cáo Tăng Thanh V. Xét thấy, vật chứng nêu trên liên quan đến việc bị cáo phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone XS, màu trắng, số Imei: 357224098455095, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 098386473 của Thạch Thái A; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone XS, màu đen, số Imei: 357225093198507, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0344282206 của Nguyễn Thanh T; và 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, có gắn ốp lưng bằng nhựa, hoa văn màu xanh, số Imei: 354449064501365, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0365376878 của Sơn Đà R. Xét thấy, vật chứng nêu trên là tài sản của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nên cần giao trả lại cho Thạch Thái A, Nguyễn Thanh T và Sơn Đà R theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Tăng Thanh V là người bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Tăng Thanh V**, phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm g khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự (được sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 299, Điều 333 và Điều 338 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử phạt: Bị cáo **Tăng Thanh V** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 28/8/2021.

3. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy: Gói 1: 0,5420 gam mẫu tinh thể; Gói 2: 0,4800 gam mẫu chất bột và toàn bộ vỏ bao gói trong 02 phong bì màu vàng, niêm phong ghi số 140/GĐMT-PC09; 01 ốp lưng bằng nhựa màu đen, và 01 cái ví da (bóp da) màu đen, trên ví có hình con ong và dòng chữ GUCCI.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, số Imei: 355697072477460, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0866835130 của bị cáo Tăng Thanh V.

Trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Thạch Thái A 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone XS, màu trắng, số Imei: 357224098455095, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 098386473; trả cho Nguyễn Thanh T 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone XS, màu đen, số Imei: 357225093198507, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0344282206; trả cho Sơn Đà R 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn

hiệu Iphone 6, màu xám, có gắn ốp lưng bằng nhựa, hoa văn màu xanh, số Imei: 354449064501365, có gắn thẻ sim sử dụng số thuê bao 0365376878. (theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/02/2022, giữa Công an huyện Châu Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Tăng Thanh V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo, người có liên quan;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Cơ quan THAHS Công an huyện CT;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhân